TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Chí Dựng

Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985.
- *Bị đơn:* Anh Đào Văn S, sinh năm 1980.

Đều ĐKHK: T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Đào Văn S kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 10 năm 2014, được đăng ký kết hôn tại UBND phường T trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh S không quan tâm có trách nhiệm với gia đình, anh S đi làm song không đưa tiền cho chị, toàn bộ chi tiêu kinh tế trong gia đình, con cái một mình chị phải gánh vác. Không những vậy, anh S còn nghi ngờ, lập ních theo dõi, vợ chồng căng thẳng, va chạm, chửi bới lẫn nhau. Tháng 9/2021, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ và thuê nhà trọ tại Xuân Đỉnh, Bắc Từ Niêm, Hà Nội ở. Mọi quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể giàn xếp được, nên chị đề nghị xin được ly hôn anh S.

Anh Đào Văn S trình bày: Anh kết hôn cùng chị Phạm Thị H vào ngày 13/10/2014, được đăng ký kết hôn tại UBND phường T trên tinh thần tự nguyện.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do lối sống, quan điểm giữa anh và chị H trái ngược nhau, nhiều lần chị H chát khiêu dâm với các trang Web đen, anh có nói song chị H không thay đổi, dẫn đến việc vợ chồng va chạm, anh có tát chị H. Tháng 9/2021, chị H đã thanh lý toàn bộ cửa hàng bỏ đi, vợ chồng sống ly thân kể từ đó. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai bên không giàn xếp được, song do gia đình còn nhiều việc khúc mắc nên anh không nhất trí ly hôn cùng chị H.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 28/12/2015 và Đào Minh H1, sinh ngày 30/5/2017. Hiện hai cháu đều đang ở với anh S. Nay ly hôn, chị H do chưa có nơi ở ổn định nên chị đề nghị giao cả hai cháu cho anh S nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh S là 3.000.000đ/tháng/2cháu (mỗi cháu 1.500.000đ/tháng). Anh S đề nghị được nuôi cả hai cháu và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị H và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa pH phường T cung cấp: Chị H và anh S đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nay chị H đã không còn sống chung cùng anh S. Hiện bố con anh S vẫn sống ổn định tại địa pH, chị H xin được ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh S vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày trên. Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đào Văn S.

- *Về con chung:* Giao cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 28/12/2015 và Đào Minh H1, sinh ngày 30/5/2017 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh S là 3.000.0000đ/tháng/2 cháu (mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đối với anh Đào Văn S có đăng ký hộ khẩu tại: T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện làm việc tại Công ty quản lý đường thủy nội địa Quảng Ninh. Anh S lựa chọn TAND thị xã K, Tỉnh Hải Dương là Tòa án giải quyết vụ án.Tại phiên tòa chị H và anh S đều có mặt. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xem xét giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Đào Văn S trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị H đề nghị được ly hôn anh S, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, sự thiếu tin tưởng, trách nhiệm với nhau trong tình cảm cũng như trong cuộc sống gia đình dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tháng 9/2021, chị H và anh S sống ly thân, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh S không nhất trí vì còn nhiều khúc mắc trong gia đình. Xét quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh S hoàn toàn bị chấm dứt từ tháng 9/2021 cho đến nay, điều kiện hàn gắn quan hệ vợ chồng không có, mục đích của hôn nhân không thành nên yêu cầu của anh S không có cơ sở. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đào Văn S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 28/12/2015 và cháu Đào Minh H1, sinh ngày 30/5/2017. Hiện hai cháu đều đang ở với anh S. Xét sự tự nguyện cũng như yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H và anh S, nên cần chấp nhận giao hai cháu Đ, H1 cho anh S nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh S đối với cả hai cháu Đ, H1 là 3.000.0000đ/tháng/2 cháu (mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng). Anh S không có ý kiến gì, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Chị H và anh S đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đào Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 28/12/2015 và cháu Đào Minh H1, sinh ngày 30/5/2017 cho anh Đào Văn S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ tuổi trường thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Đào Văn S đối với cháu Đào Minh Đ và cháu Đào Minh H1, 3.000.0000đ/tháng/2 cháu (mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng), được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ tuổi trường thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh S yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà chị H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001310 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị Phạm Thị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Đào Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường T, KM,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền